

Bản án số:1343/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Hải**

2. Ông **Phạm Văn Hề**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2016/TLST-HN ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 809/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 5F đường 128, phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Trịnh Thị Hoàng O**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 487-9 Hiro Nishi Hadano Shi Kanagawa Ken J259-1331, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2016 và bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị Hoàng O tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn; được UBND Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1315, quyển số 05, ngày 08/4/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một tháng thì bà Trịnh Thị Hoàng O quay về Nhật Bản sinh sống và làm việc. Vợ chồng chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại. Tháng 6/2012, bà Oanh về Việt Nam thăm gia đình, vợ chồng ở bên nhau được thời gian ngắn. Sau đó thì ông được biết bà Oanh mang thai và sinh con gái. Tháng 9/2013, bà Oanh đưa con về Việt Nam thăm gia đình. Vợ chồng có bàn bạc với nhau về việc cùng chung sống và chăm

sóc con nhưng không thống nhất quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng ít liên lạc và bà Oanh cũng không về nữa. Do vợ chồng không có điều kiện gần gũi để vun đắp hạnh phúc nên tình cảm lạnh nhạt dần. Ông xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu được giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 01 người con tên Trần Thanh Nhi, sinh ngày 21/3/2013 hiện đang ở với mẹ. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Oanh tiếp tục nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 18/4/2016 của bị đơn bà Trịnh Thị Hoàng O được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản chứng nhận ngày 08/9/2017 có nội dung như sau:

Bà và ông Trần Ngọc H kết hôn với nhau vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1315 quyền số 05 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ít có thời gian sống chung vì khoảng cách địa lý và sau khi có con, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi gay gắt khiến cho hôn nhân ngày một căng thẳng. Vì vậy, nên ông Hùng yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: xác nhận có 01 người con tên Trần Thanh Nhi, sinh ngày 21/3/2013; bà đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Ngọc H, bị đơn bà Trịnh Thị Hoàng O vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn bà Trịnh Thị Hoàng O cư trú tại Nhật Bản; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm: các bên đương sự đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Ông Trần Ngọc H và bà Trịnh Thị Hoàng O tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 1315 Quyển số 05 ngày 08/4/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của cả đôi bên thì sau khi kết hôn bà Trịnh Thị Hoàng O quay trở về Nhật Bản làm việc, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Thời gian sống chung giữa vợ chồng rất ngắn, sau khi có con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc ông Hùng yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Đôi bên xác nhận có 01 người con tên Trần Thanh Nhi, sinh ngày 21/3/2013 hiện đang ở với bà Oanh. Khi ly hôn bà Oanh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông Hùng cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của ông Trần Ngọc H đồng ý giao con cho bà Oanh trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con của đôi bên đảm bảo quyền lợi cho người con được sống ổn định, được phát triển về tinh thần lẫn thể chất; Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà Oanh tự nguyện không yêu cầu do bà có khả năng lo cho con. Xét ý kiến bà Oanh là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đôi bên khai không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc H được ly hôn bà Trịnh Thị Hoàng O.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 1315 quyển số 05 ngày 08/4/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao bà Trịnh Thị Hoàng O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Trần Thanh Nhi, sinh ngày 21/3/2013. Ghi nhận việc bà Trịnh Thị Hoàng O tự nguyện không yêu cầu ông Trần Ngọc H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng ông Trần Ngọc H nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ông Hùng đã nộp tại Biên lai thu số 0031691 ngày 13/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Hùng đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bị đơn bà Trịnh Thị Hoàng O; ông Trần Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Trịnh Thị Hoàng O được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải

Phạm Văn Hễ

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Thị Nhung